CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
DN: C=VN, S=Hà Giang, L="Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam", O=CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106121967
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.01.27 16:35:28+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.3.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

MỤC LỤC

----- oOo -----

		Trang
1.	BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây gọi tắt là "Công ty") trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2013 và thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Bán buôn tổng hợp
Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.

Tên tiếng anh:	TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TOP ONE., JSC
Mã chứng khoán:	TOP (UPCOM)
Trụ sở chính:	Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên; Tỉnh Hà Giang, Việt Nam. Nay là Thôn 19, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch	*(Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)*
Ông	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	*(Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2023, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)*
Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch	*(Bổ nhiệm từ ngày 04/01/2023, Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2023)*
Ông	Vũ Đình Phúc	Chủ tịch	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 04/01/2023)*
Ông	Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch	*(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)*
Ông	Nguyễn Văn Bình	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)*
Ông	Trần Anh Tuấn	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023)*
Ông	Chu Xuân Lai	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 16/04/2023)*

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ông	Ngô Văn Hanh	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)*
Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)*
Ông	Đặng Đức Lợi	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)*
Ông	Đỗ Xuân Long	Thành viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)*
Ông	Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)*
Ông	Vũ Văn Thuận	Thành viên độc lập	*(Bổ nhiệm từ ngày 13/10/2024)*
Ông	Nguyễn Bình Minh	Thành viên độc lập	*(Bổ nhiệm từ ngày 08/10/2023, Miễn nhiệm từ ngày 13/10/2024)*
Ông	Trần Anh Tuấn	Thành viên độc lập	*(Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)*
Ông	Lưu Quang Hưng	Thành viên độc lập	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 16/04/2023)*
Ban Kiểm soát			
Ông	Phạm Bá Trưởng	Trưởng ban	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)*
Ông	Vũ Khắc Thư	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)*
Bà	Trần Thị Tâm	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023)*
Ông	Vũ Văn Hưng	Trưởng ban	*(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)*
Bà	Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)*
Ông	Phạm Cao Cường	Thành viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)*
Uỷ ban Kiểm toán			
Ông	Vũ Văn Thuận	Chủ tịch	*(Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2024)*
Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Thành viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 16/10/2023)*
Ông	Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch	*(Bổ nhiệm từ ngày 16/10/2023, Miễn nhiệm từ ngày 13/10/2024)*
Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông	Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc	*(Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024)*
Ông	Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	*(Bổ nhiệm từ ngày 24/05/2023, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024)*
Ông	Đặng Đức Lợi	Giám đốc	*(Bổ nhiệm từ ngày 06/09/2022, Miễn nhiệm từ ngày 24/05/2023)*

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ông	Đỗ Thanh Tùng	Giám đốc	*(Miễn nhiệm từ ngày 06/09/2022)*
Ông	Đinh Thị Minh Thuận	Kế toán trưởng	*(Bổ nhiệm từ ngày 19/09/2024)*
Ông	Trương Thị Thanh	Kế toán trưởng	*(Bổ nhiệm từ ngày 07/08/2024, Miễn nhiệm từ ngày 19/09/2024)*
Bà	Tống Thị Lư	Kế toán trưởng	*(Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2024, Miễn nhiệm từ ngày 07/08/2024)*
Bà	Trương Thị Thanh	Kế toán trưởng	*(Bổ nhiệm từ ngày 28/10/2022, Miễn nhiệm từ ngày 01/02/2024)*
Ông	Bùi Quốc Tuấn	Kế toán trưởng	*(Bổ nhiệm từ ngày 31/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 28/10/2022)*
Bà	Đỗ Thị Thanh Xuân	Kế toán trưởng	*(Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022)*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc	*(Từ ngày 03/07/2024 đến hiện tại)*
Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch HĐQT	*(Từ ngày 03/07/2024 đến hiện tại)*
Ông	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	*(Từ ngày 24/05/2023 đến ngày 03/07/2024)*
Ông	Đặng Đức Lợi	Giám đốc	*(Từ ngày 06/09/2022 đến ngày 24/05/2023)*
Ông	Đỗ Thanh Tùng	Giám đốc	*(Từ ngày 12/07/2021 đến ngày 06/09/2022)*

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC ("MOORE AISC") đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty .

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình soạn thảo các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc
Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026

MOORE AISC

MOORE AISC Auditing and Informatics Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ward 4
District 3, Ho Chi Minh City
Viet Nam
T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

Số: B1225229-2022/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One được lập ngày tháng 01 năm 2026, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 Công ty có các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang số tiền 122.879.624.000 đồng, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 số tiền 17.280.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2 số tiền 17.280.000.000 đồng. Tuy nhiên chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến tính hiện hữu, tính đầy đủ, quyền và nghĩa vụ, cũng như đánh giá giá trị hợp lý liên quan đến các khoản đầu tư này. Thêm vào đó việc đầu tư vào các khoản đầu tư này cũng đang là đối tượng khởi kiện của nhóm cổ đông công ty liên quan đến hành vi "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Ban lãnh đạo cũ (chi tiết tại Thuyết minh số 1, mục VIII Thông tin khác), đến thời điểm hiện tại vụ kiện này đã kết thúc quá trình điều tra và đang chuẩn bị đưa ra xét xử. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác tuy nhiên các thủ tục này không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến đối với các khoản đầu tư nêu trên. Vì vậy chúng tôi không có đầy đủ căn cứ để đưa ý kiến về các khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Do được bổ nhiệm sau thời điểm kết thúc năm tài chính, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 31/12/2022 với số dư là 152.616.291 đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, vì vậy chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu của số dư tiền mặt trên.

Tại ngày 31/12/2022, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận khoản mục Tiền gửi ngân hàng số tiền 14.022.572 đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến các khoản mục trên và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày.

Tại ngày 31/12/2022 , Công ty có khoản cho Bà Lê Thị Phương vay tiền với số dư 3.400.000.000 đồng, được trình bày tại chỉ tiêu 215 trên Bảng cân đối kế toán. Chúng tôi không thể thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc chuyển tiền cho khoản cho vay nêu trên do vậy chúng tôi không thể khẳng định tính hiện hữu đối với khoản cho vay này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

MOORE AISC

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến các khoản mục: Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136), Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 151), Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 152), Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Mã số 153), Tài sản vô hình (Mã số 227), Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313), Chi phí phải trả ngắn hạn (Mã số 315) trên Bảng cân đối kế toán; khoản mục Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26), Chi phí khác (Mã số 32) trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp nhằm đánh giá các khoản mục này và ảnh hưởng nếu có đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính.

Theo mô tả tại Sự kiện liên quan đến vụ cháy kho tài liệu, Thuyết minh số VIII.1 - Những thông tin tài chính khác, ngày 31/3/2022, toàn bộ khu nhà kho lưu trữ hồ sơ của công ty cổ phần Phân phối Top One đã xảy ra vụ cháy khiến toàn bộ 2 tủ tài liệu bằng gỗ và tủ gỗ dài khiến toàn bộ hồ sơ tài liệu trong tủ bị cháy, hệ thống dây điện và một mặt lạnh điều hòa, trần và tường bị thủng và ám khói đen. Việc này đã ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh của công ty. Kiểm toán viên không thể đánh giá được ảnh hưởng của sự kiện nêu trên đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2022.

Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các khoản mục đầu năm được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày đầu kỳ kế toán. Do đó, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, tính đầy đủ, quyền và nghĩa vụ cũng như việc phân loại và trình bày của các khoản mục này. Chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phân phối Top One cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến từ chối đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 18 tháng 01 năm 2022 do không thể đánh giá đối với giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

M.S.C.N: 0300513041-002 - C.T.N.H.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC - Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thanh Tùng	**Phan Công Văn**
Phó Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHNKT: 4981-2024-005-1	*Số Giấy CNĐKHNKT: 5298-2026-005-1*
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp	*Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**215.805.187**	**4.331.666.415**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**166.638.863**	**4.269.280.075**
1. Tiền	111		166.638.863	4.269.280.075
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**14.531.507**	**44.000.000**
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	-	44.000.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	14.531.507	-
III. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**34.634.817**	**18.386.340**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	8.792.799	526.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.982.178	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09	17.859.840	17.859.840
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**162.517.166.502**	**159.369.741.975**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**3.400.000.000**	**-**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	3.400.000.000	-
II. Tài sản cố định	**220**		**1.677.542.502**	**1.926.572.142**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	375.000.000	562.500.000
- Nguyên giá	*222*		*1.500.000.000*	*1.500.000.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.125.000.000)*	*(937.500.000)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	1.302.542.502	1.364.072.142
- Nguyên giá	*228*		*1.661.300.000*	*1.661.300.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(358.757.498)*	*(297.227.858)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.02**	**157.439.624.000**	**157.439.624.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		157.439.624.000	157.439.624.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**3.545.833**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	-	3.545.833
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**162.732.971.689**	**163.701.408.390**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**30.000.000**	**410.685.512**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**30.000.000**	**410.685.512**
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	-	330.685.512
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	30.000.000	80.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**162.702.971.689**	**163.290.722.878**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.11**	**162.702.971.689**	**163.290.722.878**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*253.500.000.000*	*253.500.000.000*
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(90.797.028.311)	(90.209.277.122)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(90.209.277.122)*	*(1.472.126.446)*
LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*(587.751.189)*	*(88.737.150.676)*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**162.732.971.689**	**163.701.408.390**

Đinh Thị Minh Thuận	**Đinh Thị Minh Thuận**	**Nguyễn Văn Bình**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 | *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	6.467.798.546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	6.467.798.546
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	6.118.097.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**-**	**349.701.254**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.988.686	320.582.601
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	-	486.346.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	459.908.949	992.789.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)	**30**		**(443.920.263)**	**(808.852.348)**
11. Thu nhập khác	31	VI.5	-	29.144.994
12. Chi phí khác	32	VI.6	143.830.926	553.286
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(143.830.926)**	**28.591.708**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40 + 30)	**50**		**(587.751.189)**	**(780.260.640)**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**(587.751.189)**	**(780.260.640)**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.8**	**(23)**	**(31)**

Đinh Thị Minh Thuận	**Đinh Thị Minh Thuận**	**Nguyễn Văn Bình**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**(587.751.189)**	**(780.260.640)**
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu	02	V.06	249.029.640	253.020.797
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.531.507)	(320.582.601)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(353.253.056)**	**(847.822.444)**
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		36.017.822	935.202.748
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(380.685.512)	(5.808.129.488)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(4.720.466)	110.559.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(702.641.212)**	**(5.610.189.187)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.400.000.000)	(18.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	25.450.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	320.582.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(3.400.000.000)**	**7.770.582.601**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**-**	**-**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	**50**		**(4.102.641.212)**	**2.160.393.414**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**4.269.280.075**	**2.108.886.661**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1**	**166.638.863**	**4.269.280.075**

Đinh Thị Minh Thuận	**Đinh Thị Minh Thuận**	**Nguyễn Văn Bình**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2013 và thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Tên tiếng anh:	TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TOP ONE., JSC
Mã chứng khoán:	TOP (UPCOM)
Trụ sở chính:	Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên; Tỉnh Hà Giang, Việt Nam. Nay là Thôn 19, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Bán buôn tổng hợp
Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn *08 năm*

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chí phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.
Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn *08 năm*

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chí phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.
Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán..; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền		
Tiền mặt	152.616.291	4.268.608.789
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.022.572	671.286
Cộng	**166.638.863**	**4.269.280.075**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	**157.439.624.000**		-	**157.439.624.000**		-
Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	122.879.624.000		-	122.879.624.000		-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1	17.280.000.000		-	17.280.000.000		-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2	17.280.000.000		-	17.280.000.000		-
Cộng	**157.439.624.000**	-	-	**157.439.624.000**	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

2.1. Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	Tổ 1- Thị trấn Việt Lâm- huyện Vị Xuyên- Hà Giang	48,00%	48,00%	Bán buôn tổng hợp (trừ những ngành nghề nhà nước cấm), chế biến thực phẩm. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

(1) Năm 2018, Công ty phát sinh hoạt đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với tổng giá trị khoản đầu tư là 243.200.000.000 đồng, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà. Khoản đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

(2) Năm 2019, Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc khoản đầu tư được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2019. Theo đó, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ vốn thu được từ giao dịch thoái vốn này dùng để đầu tư mua 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang.

(3) Năm 2020, Công ty chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương đương 1.128.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 32.000 đồng/cổ phần. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty còn nắm giữ 1.152.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương ứng 48% vốn điều lệ. Các khoản lãi/lỗ tài chính liên quan đến giao dịch nói trên được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2020.

(4) Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Top One (đại diện là Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng - Chủ tịch HĐQT) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến các cơ quan chức năng ngày 04/02/2023 tố giác một số cá nhân thuộc Ban Giám đốc, giai đoạn trước ngày 28/08/2022 về các sai phạm trong hoạt động điều hành quản lý Công ty, trong đó có liên quan đến một số giao dịch nêu trên (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1).

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

2.2. Các Công ty liên kết còn lại

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1	Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, Việt nam	48,00%	48,00%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2	Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, Việt nam	48,00%	48,00%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Các khoản đầu tư tài chính nêu trên được Hội đồng quản trị phê duyệt số 1206/2020/TOP/NQ-HĐQT ngày 12/06/2020.

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Kiểm toán TTP	-	-	44.000.000	-
Cộng	**-**	**-**	**44.000.000**	**-**

4. Phải thu về cho vay

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn				
- Bà Lê Thị Phương (*)	3.400.000.000	-	-	-
Cộng	**3.400.000.000**	**-**	**-**	**-**

(*) Phải thu từ cho vay với bà Lê Thị Phương theo Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV - TOP ngày 15/12/2022, số tiền 3.400.000.000 đồng, cho vay không tài sản đảm bảo, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 19/12/2022 đến ngày 19/12/2027.

5. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Lãi dự thu cho vay	14.531.507	-	-	-
Cộng	**14.531.507**	**-**	**-**	**-**

6. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.500.000.000	1.500.000.000
Số dư cuối năm	**1.500.000.000**	**1.500.000.000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	937.500.000	937.500.000
- Khấu hao trong năm	187.500.000	187.500.000
Số dư cuối năm	**1.125.000.000**	**1.125.000.000**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	562.500.000	562.500.000
Tại ngày cuối năm	**375.000.000**	**375.000.000**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: - VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: - VNĐ

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.661.300.000	1.661.300.000
Số dư cuối năm	**1.661.300.000**	**1.661.300.000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	297.227.858	297.227.858
- Khấu hao trong năm	61.529.640	61.529.640
Số dư cuối năm	**358.757.498**	**358.757.498**
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.364.072.142	1.364.072.142
Tại ngày cuối năm	**1.302.542.502**	**1.302.542.502**

(*) 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00097 do Uỷ ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 30/12/2011, chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Phân phối Top One theo hồ sơ số: 000933.CN.001 ngày 02/03/2017.
+ Diện tích:2604m2
+ Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất
+ Thời hạn sử dụng đất: Đến năm 2044
+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

(*) 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01140 do Uỷ ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 30/12/2011, chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Phân phối Top One theo hồ sơ số: 000933.CN.001 ngày 02/03/2017.
+ Diện tích:8318 m2
+ Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất
+ Thời hạn sử dụng đất: Đến năm 2044
+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn		
Các khoản khác	8.792.799	526.500
Cộng	**8.792.799**	**526.500**
b) Dài hạn		
Các khoản khác	-	3.545.833
Cộng	**-**	**3.545.833**

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	10.334.262	-	10.334.262	-
Thuế thu nhập cá nhân	320.351.250	-	320.351.250	-
Cộng	**330.685.512**	**-**	**330.685.512**	**-**
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.859.840	-	-	17.859.840
Cộng	**17.859.840**	**-**	**-**	**17.859.840**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp:

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động dịch vụ bán hàng hóa	8% và 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

10. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Các khoản khác	30.000.000	80.000.000
Cộng	**30.000.000**	**80.000.000**

11. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**253.500.000.000**	**(89.429.016.482)**	**164.070.983.518**
Lỗ trong năm trước	-	(780.260.640)	(780.260.640)
Số dư cuối năm trước	**253.500.000.000**	**(90.209.277.122)**	**163.290.722.878**
Số dư đầu năm nay	**253.500.000.000**	**(90.209.277.122)**	**163.290.722.878**
Lỗ trong năm nay	-	(587.751.189)	(587.751.189)
Số dư cuối năm nay	**253.500.000.000**	**(90.797.028.311)**	**162.702.971.689**

11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Trần Hồng Tài	62.368.000.000	24,60%	62.368.000.000	24,60%
Các cổ đông khác	191.132.000.000	75,40%	191.132.000.000	75,40%
Cộng	**253.500.000.000**	**100,00%**	**253.500.000.000**	**100,00%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	*253.500.000.000*	*253.500.000.000*
Vốn góp cuối năm	*253.500.000.000*	*253.500.000.000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	25.350.000	25.350.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*25.350.000*	*25.350.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*25.350.000*	*25.350.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	-	6.467.798.546
Cộng	**-**	**6.467.798.546**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn của hàng hóa	-	6.118.097.292
Cộng	**-**	**6.118.097.292**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.988.686	320.582.601
Cộng	**15.988.686**	**320.582.601**

4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Chi phí bán hàng

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên	-	486.060.000
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	286.336
Cộng	**-**	**486.346.336**

b) Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	150.440.000	458.526.000
Chi phí vật liệu, bao bì	-	93.781.019
Chi phí khấu hao TSCĐ	249.029.640	253.020.797
Thuế, phí, lệ phí	4.590.800	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.128.168	177.461.501
Chi phí khác bằng tiền	18.720.341	7.000.550
Cộng	**459.908.949**	**992.789.867**

5. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	29.144.994
Cộng	**-**	**29.144.994**

6. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN, chậm nộp thuế	-	553.286
Chi phí khác	143.830.926	-
Cộng	**143.830.926**	**553.286**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(587.751.189)	(780.260.640)
Các khoản điều chỉnh tăng	143.830.926	553.286
- Chi phí không được trừ	*143.830.926*	*553.286*
Thu nhập chịu thuế TNDN	(443.920.263)	(779.707.354)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**-**	**-**

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận thuần sau thuế	**(587.751.189)**	**(780.260.640)**
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	**(587.751.189)**	**(780.260.640)**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.350.000	25.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(23)**	**(31)**

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	94.067.355
Chi phí nhân công	150.440.000	944.586.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.029.640	253.020.797
Thuế, phí, lệ phí	4.590.800	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.128.168	177.461.501
Chi phí khác bằng tiền	18.720.341	7.000.550
Cộng	**459.908.949**	**1.479.136.203**

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.638.863	-	4.269.280.075	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.531.507	-	-	-
Các khoản cho vay	3.400.000.000	-	-	-
Cộng	**3.581.170.370**	**-**	**4.269.280.075**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2022	01/01/2022
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	30.000.000	80.000.000
Cộng	**30.000.000**	**80.000.000**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro về lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.638.863	-	-	166.638.863
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.531.507	-	-	14.531.507
Các khoản cho vay	-	3.400.000.000	-	3.400.000.000
	181.170.370	**3.400.000.000**	**-**	**3.581.170.370**
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.269.280.075	-	-	4.269.280.075
	4.269.280.075	**-**	**-**	**4.269.280.075**

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

3. Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2022				
Chi phí phải trả	30.000.000	-	-	30.000.000
	30.000.000	**-**	**-**	**30.000.000**
Tại ngày 01/01/2022				
Chi phí phải trả	80.000.000	-	-	80.000.000
	80.000.000	**-**	**-**	**80.000.000**

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những thông tin tài chính khác

Sự kiện liên quan đến vụ cháy kho tài liệu

Ngày 31/3/2022, toàn bộ khu nhà kho lưu trữ hồ sơ của công ty cổ phần Phân phối Top One đã xảy ra vụ cháy khiến toàn bộ 2 tủ tài liệu bằng gỗ và tủ gỗ dài khiến toàn bộ hồ sơ tài liệu trong tủ bị cháy, hệ thống dây điện và một mặt lạnh điều hòa, trần và tường bị thủng và ám khói đen. Việc này đã ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Vụ kiện liên quan đến các khoản đầu tư

Thông qua quá trình huy động vốn từ giai đoạn năm 2015 đến năm 2018 Công ty đã huy động tổng số vốn là 214.500.000.000 đồng.

Năm 2018, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với tổng giá trị khoản đầu tư là 243.200.000.000 đồng, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà. Khoản đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

Năm 2019, Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc khoản đầu tư được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2019. Theo đó, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ vốn thu được từ giao dịch thoái vốn này dùng để đầu tư mua 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang.

Năm 2020, Công ty chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương đương 1.128.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 32.000 đồng/cổ phần. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty còn nắm giữ 1.152.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương ứng 48% vốn điều lệ. Các khoản lãi/lỗ tài chính liên quan đến giao dịch nói trên được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Top One (đại diện là Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng - Chủ tịch HĐQT) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến các cơ quan chức năng từ ngày 28/10/2022 tố giác một số cá nhân thuộc Ban Giám đốc, giai đoạn trước ngày 28/08/2022 về các sai phạm trong hoạt động điều hành quản lý Công ty, trong đó có liên quan đến một số giao dịch nêu trên. Đến tháng 4 năm 2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hà Giang đã thông báo tiếp nhận đơn tố giác tội phạm trên.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sách tại ngày 01/01/2022 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2022 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP ngày 18/01/2022.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Đinh Thị Minh Thuận	**Đinh Thị Minh Thuận**	**Nguyễn Văn Bình**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 01 năm 2026